

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGS-ST
Ngày 17 - 6- 2021
V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lã Ngọc Tường.

2. Ông Nguyễn Huy Trụ.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Trịnh Đình Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Phạm Khắc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1980;

ĐKHKT khu 3, xã C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu 2 xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1978;

ĐKHKT: khu 3, xã C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

(Chị H có mặt, anh B vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 23/02/2021 và Biên bản hòa giải ngày 23/4/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B đăng ký kết hôn ngày 14/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 02 năm 2021. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/4/2009. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải chị đề nghị nếu ly hôn chị xin được nuôi con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/4/2009 đến khi con thành niên. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:* tại bản tự khai ngày 23/4/2021 và biên bản hòa giải ngày 23/4/2021 anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án quan điểm của anh, anh không nhất trí ly hôn vì anh vẫn còn thương yêu vợ con.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/4/2009. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh đề nghị cả hai vợ chồng cùng nuôi vì anh không nhất trí ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngày 23/4/2021 Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị H và anh B được chính quyền địa phương xác nhận: Anh B, chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Tuy nhiên, thời điểm hiện tại hai vợ chồng sống ly thân. Anh B là người lao động tự do, trong cuộc sống anh B lười lao động và thường xuyên uống rượu nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Hiện nay chị H đã chuyển đi nơi khác để ở không sống chung cùng anh B nữa.

Tại bản tự khai ngày 23/4/2021, con chung của anh B, chị H là cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 27/4/2009 có nguyện vọng nếu bố, mẹ ly hôn cháu muốn được ở với Mẹ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh B xin được đoàn tụ nên phiên hòa giải không thành, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu quan điểm về nội dung vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị xử cho chị H được ly hôn anh B; về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 27/4/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi thành niên; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu; về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Cả chị H và anh B không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn Nguyễn Văn B có hộ khẩu thường trú tại khu 3A, xã C, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định pháp luật.

- Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn B là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo như chị H trình bày thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh B là người lao động tự do, trong cuộc sống anh B lười lao động và thường xuyên uống rượu nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn từ nhiều năm nay. Hiện nay chị H đã chuyển đi nơi khác để ở không sống chung cùng anh B nữa. Vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ những căn cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh B rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H đối với anh B là có căn cứ, được chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Xác định vợ chồng chị H, anh B có một con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/4/2009. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh T nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng Mẹ. Do vậy, cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị H nên không buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Do chị H, anh B không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm

a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Xác định chị Nguyễn Thị H, anh B có một con chung là Nguyễn Minh T, sinh ngày 27/4/2009. Ly hôn, giao con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Anh Nguyễn Văn B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000113 ngày 02/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị H có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh B vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật .

Nơi nhận:

- VKSND TP. Việt Trì; T Phú Thọ;
- Chi cục THADS TP. Việt Trì, T. Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã C, TP. Việt Trì, T. Phú Thọ;.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Anh Tuấn